TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2023/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 12 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Cao Xuân C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh H;

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã P, huyện P, H;

N ở hiện nay: Xóm 3, xã Q, huyện A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Cao Xuân C và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc C, huyện A, thành phố H vào ngày 30/6/2004. Quá trình vợ chồng chung sống thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm các vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 2011 cho đến nay, anh C và chị N sống ly thân, không có cuộc sống chung. Đến nay, anh C, chị N đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận ly hôn cho anh C và chị N.

[2] Về con chung:

Anh C và chị N có ba con chung là các cháu Cao Thị H, sinh năm 1996, Cao Thị P, sinh năm 1999 và Cao Xuân H, sinh năm 2003. Anh C và chị N đều khẳng định các con chung đã trưởng thành, tự lập được và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với các con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng cấy:

Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án:

Anh C và chị N thỏa thuận thống nhất anh C tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 02/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân C và chị Nguyễn Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh C và chị N có ba con chung là các cháu Cao Thị H, sinh năm 1996, Cao Thị P, sinh năm 1999 và Cao Xuân H, sinh năm 2003. Anh C, chị N đều khẳng định các con chung đã trưởng thành, tự lập được và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Cao Xuân C và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận thống nhất: Anh Cao Xuân C tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh C đã nộp là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006261 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh Cao Xuân C đã nộp đủ lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

N nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;

THẨM PHÁN

- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Mạnh Q